TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI LĂNG** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HNGĐ-ST
Ngày 05/4/2023
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI LĂNG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Trương Thị Kim Anh

+ Ông Thái Văn Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 73/2022/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 24/02/2023 và Thông báo về việc hoãn phiên tòa số 01/TB-TA ngày 16/3/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Lê Đăng A, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Chị Phạm Thị N, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 9 năm 2022 nộp tại Tòa án ngày 03/10/2022 và bản trình bày ý kiến ngày 31 tháng 01 năm 2023, anh Lê Đăng A trình bày: Về quan hệ hôn nhân, anh và chị Phạm Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 06/02/2007 tại Ủy ban nhân dân xã H1 (nay là xã H) huyện H, tỉnh Quảng Trị. Sau khi kết hôn, anh A và chị N chung sống với nhau tại thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Trong quá trình chung sống, giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không cùng quan điểm sống. Anh và chị

N đã sống ly thân hai năm nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Anh A xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Thị N.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Lê Đăng Phạm Ngọc Trúc L, sinh ngày 06 tháng 9 năm 2006 và cháu Lê Đăng Nam P, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2013. Anh A có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Phạm Thị N đã được tống đạt đầy đủ và hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng nhưng không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không đến Tòa án làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 96, 97, 175, 177, 178, 195, 196, 203, 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự, cụ thể: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý, quan hệ tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng, xác minh, thu thập chứng cứ; thực hiện việc tống đạt đúng và đầy đủ các văn bản tố tụng, tuân thủ quy định của pháp luật về thời hạn thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử và thực hiện việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát trước khi tham gia phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh A và chị N là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho anh Lê Đăng A được ly hôn chị Phạm Thị N.

Về nuôi con chung: Giao hai con chung là Lê Đăng Phạm Ngọc Trúc L và Lê Đăng Nam P cho anh Lê Đăng A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh A không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Anh Lê Đăng A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Sau khi xem xét yêu cầu của nguyên đơn, xác định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn. Bị đơn không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia tố tụng tại các phiên công khai chứng cứ, các phiên hòa giải và phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh A và chị N đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 06/02/2007 tại Ủy ban nhân dân xã Hải Tân (nay là xã H), huyện H, tỉnh Quảng Trị. Quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau và không có cùng quan điểm sống. Tại biên bản xác minh ngày 06/10/2022, Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ xã H cung cấp thông tin: Trong quá trình chung sống, giữa hai vợ chồng anh A, chị N đã xảy ra mâu thuẫn và hai vợ chồng đã sống ly thân 02 năm nay. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị N không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chị N cũng không đến Tòa án làm việc, điều đó thể hiện chị N đã không có mong muốn đoàn tụ gia đình.

Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa anh A và chị N không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lê Đăng A.

[4]. Về nuôi con chung: Cháu Lê Đăng Phạm Ngọc Trúc L và cháu Lê Đăng Nam P đều có nguyện vọng được ở với anh A. Anh A có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Qua xác minh, anh A có nhà ở tại thôn V, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị. Cả hai cháu đều do anh A chăm sóc, nuôi dưỡng từ khi anh A ly thân với chị N đến nay. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của anh A, giao cháu L và cháu P cho anh A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6]. Về án phí: Anh Lê Đăng A phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Đăng A được ly hôn chị Phạm Thị N.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Lê Đăng Phạm Ngọc Trúc L, sinh ngày 06 tháng 9 năm 2006 và cháu Lê Đăng Nam P, sinh ngày 28 tháng 9 năm 2013 cho anh Lê Đăng A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Phạm Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Lê Đăng A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại biên lai thu số CC/2021/0000163 ngày 03/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị. Anh A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Hải Lăng;
- THADS huyện Hải Lăng;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Khánh